ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3800 /QĐ-UBND	*Huế, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các cấp của thành phố Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án "Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia";

Căn cứ Chương trình hành động số 286/CTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Thành ủy Huế về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 5910/TTr-SKHCN ngày 12 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các cấp của thành phố Huế và Phụ lục chi tiết các chỉ số đánh giá, xếp hạng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các cấp của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Việc đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số năm 2026 các cấp của thành phố Huế được thực hiện theo Bộ chỉ số ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ KH&CN);
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc thành phố;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn;
- Cổng TTĐT thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, TTr.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hữu Thùy Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các cấp của thành phố Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3800/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cấu trúc, thang điểm, phương pháp tính điểm, quy trình đánh giá, xếp hạng và công bố kết quả chuyển đổi số hằng năm của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường;

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cung cấp, thẩm định số liệu phục vụ đánh giá. Các cơ quan, tổ chức khác có thể tham khảo Bộ chỉ số này để tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức mình.

Điều 3. Mục tiêu

1. Theo dõi, đánh giá thực chất, khách quan kết quả thực hiện chuyển đổi số hằng năm; xác định điểm mạnh, điểm yếu của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời nắm tình hình để chỉ đạo, đôn đốc, thúc đẩy chuyển đổi số; tạo động lực cạnh tranh, góp phần duy trì và nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của thành phố Huế.

Điều 4. Yêu cầu

1. Bám sát Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh và các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của thành phố; phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

2. Mỗi chỉ số có đơn vị tính, chỉ tiêu (KPI), điểm tối đa, công thức tính điểm và tài liệu kiểm chứng rõ ràng; ưu tiên khai thác số liệu sẵn có từ các hệ thống thông tin, nền tảng số do cơ quan nhà nước quản lý.

3. Bảo đảm tính khả thi, nhất quán về chu kỳ đánh giá và số liệu; có tính mở, được rà soát, cập nhật phù hợp với thực tiễn.

4. Việc báo cáo, thẩm định, tính điểm và theo dõi kết quả được thực hiện trên môi trường số thông qua Cổng chuyển đổi số thành phố (https://dx.hue.gov.vn).

Chương II
CẤU TRÚC, THANG ĐIỂM CỦA BỘ CHỈ SỐ

Điều 5. Cấu trúc chung

1. Bộ chỉ số DTI của mỗi khối có thang điểm tối đa là **1.000 điểm**, gồm 06 chỉ số chính, chia thành 02 nhóm:

a) Nhóm chỉ số nền tảng (700 điểm), gồm 05 chỉ số chính: Nhận thức số (100 điểm); Thể chế số (100 điểm); Hạ tầng số (200 điểm); Nhân lực số (150 điểm); An toàn thông tin mạng (150 điểm).

b) Nhóm chỉ số hoạt động (300 điểm), gồm 01 chỉ số chính: Hoạt động chuyển đổi số (300 điểm).

Điều 6. Bộ chỉ số đánh giá khối cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

Gồm 06 chỉ số chính với 25 chỉ số thành phần, cụ thể:

TT	Chỉ số chính	Số chỉ số thành phần	Điểm tối đa
1	Nhận thức số	04	100
2	Thể chế số	02	100
3	Hạ tầng số	04	200
4	Nhân lực số	05	150
5	An toàn thông tin mạng	03	150
6	Hoạt động chuyển đổi số	07	300
	Tổng cộng	**25**	**1.000**

Điều 7. Bộ chỉ số đánh giá khối Ủy ban nhân dân xã, phường

Gồm 06 chỉ số chính với 28 chỉ số thành phần, cụ thể:

TT	Chỉ số chính	Số chỉ số thành phần	Điểm tối đa
1	Nhận thức số	03	100
2	Thể chế số	02	100
3	Hạ tầng số	07	200
4	Nhân lực số	07	150
5	An toàn thông tin mạng	02	150
6	Hoạt động chuyển đổi số	07	300
	Tổng cộng	**28**	**1.000**

Điều 8. Nội dung chi tiết

Nội dung đánh giá, đơn vị tính, KPI/chỉ tiêu, điểm tối đa, công thức tính điểm và tài liệu kiểm chứng của từng chỉ số thành phần được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này (Phần A áp dụng cho khối cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Phần B áp dụng cho khối Ủy ban nhân dân xã, phường).

Chương III
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Điều 9. Báo cáo số liệu

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương cập nhật số liệu và tài liệu kiểm chứng theo từng chỉ số thông qua chức năng Báo cáo chỉ số DTI trên Cổng chuyển đổi số thành phố (https://dx.hue.gov.vn); theo dõi số liệu, điểm và thứ hạng trên hệ thống này.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể báo cáo số liệu theo thời gian thực ngay sau khi hoàn thành từng nội dung theo hướng dẫn của từng chỉ số.

Điều 10. Kiểm tra, xác nhận số liệu, thẩm định điểm và phê duyệt kết quả

1. Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo theo từng chỉ số trên cơ sở tài liệu kiểm chứng và số liệu thống kê từ các hệ thống thông tin liên quan.

2. Đối với các chỉ số có nguồn số liệu do cơ quan, tổ chức khác quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với cơ quan, tổ chức đó để xác minh, thẩm định.

3. Hệ thống tính điểm theo từng chỉ số; Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định điểm, tổng hợp kết quả đánh giá, xếp hạng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện kết quả, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt kết quả xếp hạng.

Chương IV

THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ VÀ PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ

Điều 11. Thời gian đánh giá và phê duyệt kết quả

1. Việc đánh giá được thực hiện định kỳ hằng năm.

2. Niên hạn lấy số liệu: từ ngày 01/01 đến ngày 15/11 của năm đánh giá.

3. Thời hạn hoàn thành cập nhật số liệu, tài liệu kiểm chứng: trước ngày 05/12 của năm đánh giá.

4. Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành thẩm định, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả trong tháng 12 hằng năm.

Chương V
KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 12. Kinh phí thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ, trình Sở Tài chính thẩm định.

2. Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan, Sở Tài chính rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí cho việc tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số các cấp hằng năm, đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện đánh giá chuyển đổi số các cấp trên địa bàn thành phố Huế.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện việc đánh giá chuyển đổi số trên địa bàn thành phố định kỳ hằng năm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện; hướng dẫn các đơn vị sử dụng chức năng Báo cáo chỉ số DTI trên Cổng chuyển đổi số thành phố (https://dx.hue.gov.vn).

3. Phối hợp với Sở Nội vụ để kết quả đánh giá các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Bộ chỉ số này là một trong các căn cứ xem xét việc xác định trách nhiệm thực thi công vụ, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố, theo tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thẩm quyền của pháp luật về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và thi đua, khen thưởng, phù hợp với quy định của Luật Chuyển đổi số.

Điều 14. Trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Chỉ đạo thực hiện khảo sát, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu báo cáo về chuyển đổi số hằng năm.

2. Phối hợp và tạo điều kiện để Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo.

3. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của số liệu, tài liệu kiểm chứng và việc thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết./.